

**PHỤ LỤC GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH KON TUM NĂM 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 244 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| STT              | TÊN ĐƠN VỊ                                                                           | BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC | GHI CHÚ                                                                                                                                        |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                      | <b>1,939</b>       |                                                                                                                                                |
| <b>I</b>         | <b>CẤP TỈNH</b>                                                                      | <b>1,141</b>       |                                                                                                                                                |
| 1                | Khối đại biểu dân cử ( <i>bổ trí cho đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách</i> ) | 10                 |                                                                                                                                                |
| 2                | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                                                     | 32                 |                                                                                                                                                |
| 3                | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                                       | 61                 | Bao gồm 05 biên chế của lãnh đạo UBND tỉnh                                                                                                     |
| 4                | Sở Nội vụ                                                                            | 61                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Các đơn vị hành chính thuộc Sở</i>                                                | 49                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Ban Tôn giáo</i>                                                                  | 12                 |                                                                                                                                                |
| 5                | Thanh tra tỉnh                                                                       | 33                 |                                                                                                                                                |
| 6                | Sở Tư pháp                                                                           | 25                 |                                                                                                                                                |
| 7                | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                               | 43                 |                                                                                                                                                |
| 8                | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                                                | 44                 |                                                                                                                                                |
| 9                | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                                      | 41                 |                                                                                                                                                |
| 10               | Sở Giao thông vận tải                                                                | 32                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Các đơn vị hành chính thuộc Sở</i>                                                | 24                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Thanh tra giao thông</i>                                                          | 8                  |                                                                                                                                                |
| 11               | Sở Y tế                                                                              | 57                 | Trong đó có 03 biên chế được giao từ ngày 01/4/2023, để thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 717-TB/TU ngày 17/3/2023 |
|                  | <i>Các đơn vị hành chính thuộc Sở</i>                                                | 33                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Chi cục Dân số, Kế hoạch hóa gia đình</i>                                         | 12                 |                                                                                                                                                |
|                  | <i>Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm</i>                                             | 12                 |                                                                                                                                                |
| 12               | Sở Thông tin và Truyền thông                                                         | 22                 |                                                                                                                                                |
| 13               | Sở Công Thương                                                                       | 35                 |                                                                                                                                                |
| 14               | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                               | 392                |                                                                                                                                                |
| 2.1              | <i>Các đơn vị hành chính thuộc Sở</i>                                                | 38                 |                                                                                                                                                |
| 2.2              | <i>Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và thủy sản</i>                           | 12                 |                                                                                                                                                |
| 2.3              | <i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>                                         | 20                 |                                                                                                                                                |
| 2.4              | <i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>                                                    | 29                 |                                                                                                                                                |
| 2.5              | <i>Chi cục Thủy lợi</i>                                                              | 12                 |                                                                                                                                                |
| 2.6              | <i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>                                                  | 12                 |                                                                                                                                                |
| 2.7              | <i>Chi cục Kiểm lâm</i>                                                              | 269                |                                                                                                                                                |
| 15               | Sở Ngoại vụ                                                                          | 18                 |                                                                                                                                                |
| 16               | Ban Dân tộc                                                                          | 18                 |                                                                                                                                                |
| 17               | Sở Tài nguyên và Môi trường                                                          | 38                 |                                                                                                                                                |
| 18               | Sở Khoa học và Công nghệ                                                             | 30                 |                                                                                                                                                |

| STT       | TÊN ĐƠN VỊ                          | BIÊN CHẾ<br>CÔNG CHỨC | GHI CHÚ                                                                                                                                        |
|-----------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19        | Sở Xây dựng                         | 32                    |                                                                                                                                                |
| 20        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 34                    |                                                                                                                                                |
| 21        | Sở Tài chính                        | 44                    |                                                                                                                                                |
| 22        | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh        | 36                    |                                                                                                                                                |
| 23        | Văn phòng Ban An toàn giao thông    | 03                    |                                                                                                                                                |
| <b>II</b> | <b>CẤP HUYỆN</b>                    | <b>798</b>            |                                                                                                                                                |
| 1         | Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi      | 80                    |                                                                                                                                                |
| 2         | Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông     | 78                    |                                                                                                                                                |
| 3         | Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà        | 81                    |                                                                                                                                                |
| 4         | Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô        | 80                    |                                                                                                                                                |
| 5         | Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy       | 78                    |                                                                                                                                                |
| 6         | Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai     | 56                    | Trong đó có 15 biên chế được giao từ ngày 01/4/2023, để thực hiện kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 717-TB/TU ngày 17/3/2023 |
| 7         | Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei      | 81                    |                                                                                                                                                |
| 8         | Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông    | 80                    |                                                                                                                                                |
| 9         | Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy       | 80                    |                                                                                                                                                |
| 10        | Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum   | 104                   |                                                                                                                                                |